

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/TCDS-ST

Ngày 14 - 8 - 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Ông Nguyễn Văn Tạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST- TCDS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST - TCDS ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N.
Địa chỉ: Số 198 Trần Quang K, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình. Địa chỉ: Số 03, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Thanh T - Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình. Địa chỉ: Số 03, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn Đ - Sinh năm 1975

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt. (Do đã ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị M).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1976

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt. (đã có Đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần N (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và ông Hoàng Văn Đ đã ký kết Hợp đồng cho vay bán lẻ số 02/2017/NHNT ngày 03/01/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 58/2017/VCB.QB ngày 13/6/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 116/2017/VCB.QB ngày 08/11/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 55/2018/VCB.QB ngày 12/11/2018 để vay tổng số tiền là 5.330.000.000 đồng. Lãi suất và thời hạn vay vốn quy định cụ thể trong từng hợp đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Đ và vợ là bà Nguyễn Thị M đã ký với Ngân hàng V Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2017/VCB.QB ngày 03/01/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 58/2017/HĐTCTS ngày 13/6/2017, các tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4 tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300957 mang tên Hoàng Văn Đ và Nguyễn Thị M và Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 910 CV, số đăng ký: QB 98174 theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá mang tên ông Hoàng Văn Đ số 70130, số đăng ký: QB 98174 TS do Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 05/6/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết mà chỉ thanh toán một phần số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V và tạm tính đến ngày 12/8/2020 thì ông Đ còn nợ Ngân hàng V số tiền là 4.620.415.200 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.927.350.000 đồng và lãi trong hạn là 657.006.070 đồng, lãi quá hạn 36.292.805). Khoản vay của ông Đ đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực tế trả hết nợ. Trường hợp ông Đ không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn là ông Đ: kể từ sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Ba, ông Đ đã có Giấy ủy quyền ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị M tham gia giải quyết vụ án.

Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M: Tại Biên bản lấy lời khai của bà M, bà trình bày: Bà thừa nhận bà và ông Đ - là chồng hợp pháp của bà - đã vay của Ngân hàng V tổng số tiền là 5.330.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 24/4/2019 thì bà và ông Đ còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 4.414.611.174 đồng đúng như Ngân hàng V đã khởi kiện. Tuy nhiên, do điều kiện đánh bắt thủy, hải sản hiện nay còn khó khăn nên bà và ông Đ chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, bà và ông Đ có nguyện vọng Ngân hàng tạo điều kiện cho bà và ông Đ trả nợ dần từng đợt cho đến khi thực tế trả hết nợ.

Để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã quyết định thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản mà ông Đ, bà M đã thế chấp cho Ngân hàng V là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4 tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300957 mang tên Hoàng Văn Đ và Nguyễn Thị M. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2019 thì trên thực tế, thửa đất này có diện tích là 93,0m²; giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp 50,0m². Nhằm làm rõ sự biến động này, Tòa án đã yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B cung cấp các thông tin liên quan đến thửa đất. Tại Công văn số 66/CNVPĐKĐĐ ngày 13/5/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B cho biết: Theo hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ba Đồn thì ngày 30/4/1993, ông Hoàng Đ được UBND huyện Quảng Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành A 191423 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4 diện tích 110 m² mục đích sử dụng là đất ở. Ngày 12/5/2005, gia đình bà Hoàng Thị Bường đã lập Biên bản phân chia di sản thừa kế và định đoạt quyền sở hữu của ông Hoàng Đ cho ông, bà Hoàng Đ1 - Hoàng Thị L và ông, bà Hoàng Văn Đ- Nguyễn Thị M. Ông, bà Hoàng Đ1 - Hoàng Thị L được sử dụng một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 57m², mục đích sử dụng là đất ở và được UBND huyện Quảng Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300938, số vào sổ 00518 QSDĐ/66/DS-TK ngày 20/10/2004. Ông, bà Hoàng Văn Đ- Nguyễn Thị M được sử dụng một phần thửa đất là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 43m², mục đích sử dụng là đất ở và được UBND huyện Quảng Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300957, số vào sổ 00504 QSDĐ/66/DS-TK ngày 20/10/2004. Theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 03/10/2017 thì Thửa đất số 66A, tờ bản đồ số 4 biến động thành Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8, diện tích 66,8m² và Thửa

đất số 66, tờ bản đồ số 4 biến động thành Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 8, diện tích 93,0m².

Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất được với nhau về nội dung và phương thức giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 14/8/2020, tuy nhiên do không bận công việc gia đình, không thể sắp xếp thời gian để tham gia phiên tòa được nên bà Nguyễn Thị M đã có Đơn xin xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 335, 336, 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi như đại diện phía nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu tại phiên tòa là 4.620.415.200 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.927.350.000 đồng và lãi trong hạn là 657.006.070 đồng, lãi quá hạn 36.292.805).

Trong trường hợp ông Đ không trả theo quy định pháp luật thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng V là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 143m² (nay là thửa số 35, tờ bản đồ số 8, diện tích 93,0m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300957 mang tên Hoàng Văn Đ và Nguyễn Thị M và Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 910 CV, số đăng ký: QB 98174 theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá mang tên ông Hoàng Văn Đ số 70130, số đăng ký: QB 98174 TS do Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 05/6/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Ông Hoàng Văn Đ ký kết Hợp đồng cho vay bán lẻ số 02/2017/NHNT ngày 03/01/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 58/2017/VCB.QB ngày

13/6/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 116/2017/VCB.QB ngày 08/11/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 55/2018/VCB.QB ngày 12/11/2018 với Ngân hàng V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Mặt khác, nội dung của các hợp đồng trên phù hợp theo quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trên là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Hoàng Văn Đ có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị M: nhận thấy mình không thể chủ động được về thời gian để có thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ án đúng theo sự triệu tập của Tòa án, do đó bà M đã có đơn trình bày nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ có nghĩa vụ trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng V theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật. Căn cứ theo đơn khởi kiện, yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và qua đối chiếu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng cho vay bán lẻ số 02/2017/NHNT ngày 03/01/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 58/2017/VCB.QB ngày 13/6/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 116/2017/VCB.QB ngày 08/11/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 55/2018/VCB.QB ngày 12/11/2018 được ký kết giữa các bên là Ngân hàng V với ông Đ về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 468 Bộ luật Dân sự nên các hợp đồng này đều có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng V đã giải ngân cho ông Đ với tổng số tiền là 5.330.000.000 đồng. Theo các tài liệu phía Ngân hàng V cung cấp trong hồ sơ và tại phiên tòa thì hiện ông Đ còn nợ Ngân hàng V 4.620.415.200 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.927.350.000 đồng và lãi trong hạn là 657.006.070 đồng, lãi quá hạn 36.292.805).

Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã thông báo nợ đến hạn, quá hạn cũng như trực tiếp đến nhà để đôn đốc ông bà trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Từ những luận cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc ông Hoàng Văn Đ phải thanh toán nợ tính đến ngày (12/8/2020) 4.620.415.200 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.927.350.000 đồng và lãi trong hạn là 657.006.070 đồng, lãi quá hạn 36.292.805) do ông Đ vi phạm nghĩa vụ đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết theo quy định tại các Điều 274, 280, 466 Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu đối với tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2017/VCB.QB ngày 03/01/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 58/2017/HĐTCTS ngày 13/6/2017, ông Đ và bà M đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 143m² (nay là thửa số 35, tờ bản đồ số 8, diện tích 93,0m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300957 mang tên Hoàng Văn Đ và Nguyễn Thị M và Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 910 CV, số đăng ký: QB 98174 TS để đảm bảo cho khoản vay. Do hợp đồng thế chấp giữa hai bên đã có hiệu lực để thi hành nên trong trường hợp ông Đ không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

Tuy nhiên, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4 tại thôn V, xã Q, thị xã B, do thực tế Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định diện tích của thửa đất là 93,0m² và tại Công văn số 66/CNVPĐKĐĐ ngày 13/5/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ba Đồn cũng xác định: ... *“Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4 biến động thành Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 8, diện tích 93,0m²”* Do đó, trường hợp Ngân hàng V yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4 tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý theo diện tích thực tế của thửa đất là 93,0m² là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng V theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng

Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N: buộc ông Hoàng Văn Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 4.620.415.200 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.927.350.000 đồng và lãi trong hạn là 657.006.070 đồng, lãi quá hạn 36.292.805).

Trường hợp ông Hoàng Văn Đ không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 143m² (nay là thửa số 35, tờ bản đồ số 8, diện tích 93,0m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 300957 mang tên Hoàng Văn Đ và Nguyễn Thị M và Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 910 CV, số đăng ký: QB 98174 TS2.

Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn Đ phải nộp 112.620.415 đồng (*Một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 56.207.305 đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm linh bảy nghìn ba trăm linh năm đồng*) mà Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002367 ngày 13/5/2019.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày (12/8/2020) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

“Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn